



RÈN LUYỆN KĨ NĂNG HỌC TẬP CHO SINH VIÊN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP TRONG BỐI CẢNH ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

ThS. NGUYỄN TUẤN KHANH
 Trường Đại học Kiên Giang

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về kĩ năng học tập (KNHT) theo các góc nhìn khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến những KNHT cơ bản và xem xét nghiêm về mặt kĩ thuật của hành động, các hành động học tập, các kĩ năng học của sinh viên (SV) nhưng chú trọng đến kết quả đạt được qua vận dụng tri thức, kĩ năng, kĩ xảo hình thành trước đó và thái độ thực hiện các hành động học tập cụ thể như kĩ năng đọc sách, kĩ năng lập kế hoạch học tập, kĩ năng tìm kiếm và khai thác tài liệu, kĩ năng làm việc theo nhóm... Các kĩ năng này nhằm thực hiện nhiệm vụ học tập cụ thể dựa vào phương tiện học để đạt được kết quả học tập nhất định.

2. Kết quả đánh giá việc rèn luyện KNHT của SV các trường đại học, cao đẳng

Để đánh giá KNHT của SV các trường đại học, cao đẳng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 302 giáo viên và cán bộ quản lí, 667 SV năm thứ nhất và năm thứ 2 ở các trường: Trường Cao đẳng Sư phạm kĩ thuật Vĩnh Long, Trường Cao đẳng Kinh tế kĩ thuật Kiên Giang, Trường Cao đẳng Kinh tế kĩ thuật Cần Thơ, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Cửu Long và Phân hiệu Trường Đại học Nha Trang tại Kiên Giang.

Chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp điều tra giáo dục (phòng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi và phỏng vấn trực tiếp, quan sát), phương pháp phân tích định lượng, phương pháp phân tích định tính. Tuy nhiên, có những câu trả lời được mã hóa theo các mức độ, cụ thể mức cao nhất là 3 điểm, mức thấp nhất là 1 điểm. Với số điểm đó, chúng tôi đánh giá theo 3 mức độ sau đây: Mức 1: Chưa thành thạo: Từ 1 điểm đến 1,59 điểm; Mức 2: Thành thạo: Từ 1,60 điểm đến 2,59 điểm; Mức 3: Rất thành thạo: Từ 2,60 điểm đến 3 điểm.

2.1. Đánh giá của SV về mức độ KNHT

Qua bảng 1, kết quả cho thấy, mức độ thành thạo về KNHT của SV chỉ đạt ở mức độ dưới trung bình (Điểm trung bình (ĐTB)=1,85). Các KNHT khác nhau thì mức độ thành thạo khác nhau. Cụ thể, *kĩ năng sử dụng Internet tìm kiếm tài liệu học tập* xếp ở vị trí thứ 1 (ĐTB =2,28). Với kĩ năng này, đòi hỏi SV không chỉ biết vào Internet mà phải biết lựa chọn và phân tích thông tin ở trên mạng như vậy mới là có kĩ năng. Tiếp theo đó là *kĩ năng ghi chép các nội dung chính của bài học* (ĐTB=2,15) xếp ở vị trí thứ 2. Ở kĩ năng này, đòi hỏi SV phải biết ghi chép bài học theo ý của giảng viên (GV) đồng thời theo ý hiểu của bản thân do vậy không phải SV nào cũng có khả năng làm như vậy. *KNHT theo nhóm* xếp ở vị trí thứ 3 lắng nghe, kĩ năng đưa và nhận thông tin phản hồi, kĩ năng thuyết phục... Do vậy, muốn có được kĩ năng này, SV cần được rèn luyện nhiều trong quá trình học nhóm và cần phải có sự hướng dẫn của GV. Những KNHT đạt mức độ thành thạo thấp đó là *kĩ năng làm tiểu luận, dự án* (ĐTB=1,44) - kĩ năng mà đòi hỏi

SV có nhiều khả năng như tìm kiếm thông tin, sắp xếp kế hoạch; *kĩ năng trình bày trước đám đông* (ĐTB=1,56) - kĩ năng thể hiện sự tự tin, khả năng nói lưu loát trước nhiều người. Do vậy, nếu SV nào còn hạn chế trong kĩ năng này thì cần được rèn kĩ năng này nhiều hơn, GV nên tạo cơ hội cho họ được thể hiện nhiều hơn.

Bảng 1: Mức độ KNHT của SV xét theo loại hình trường

STT	KNHT	Loại hình trường		Tổng
		Cao đẳng	Đại học	
1	Kĩ năng lập kế hoạch học tập	1,59	1,81	1,70
2	Kĩ năng quản lí thời gian	1,71	1,86	1,79
3	Kĩ năng tìm kiếm, khai thác tài liệu học tập	1,75	2,02	1,88
4	Kĩ năng xử lí thông tin học tập	1,76	1,96	1,86
5	Kĩ năng ghi chép các nội dung chính của bài học	2,06	2,24	2,15
6	KNHT theo nhóm	1,86	2,07	1,97
7	Kĩ năng trình bày trước đám đông	1,43	1,70	1,56
8	Kĩ năng làm tiểu luận, dự án	1,30	1,57	1,44
9	Kĩ năng sử dụng Internet tìm kiếm tài liệu học tập	2,14	2,42	2,28
10	Kĩ năng tự kiểm tra, đánh giá quá trình học tập	1,84	1,96	1,90
Tổng		1,74	1,96	1,85

Xét theo loại hình trường, các trường đại học, SV có KNHT ở mức độ thành thạo cao hơn so với các SV trường cao đẳng (đại học: ĐTB=1,96; cao đẳng: ĐTB=1,74). Điều này cho thấy KNHT các SV đánh giá chủ yếu phụ thuộc vào quá trình hình thành và phát triển ở bậc học Trung học phổ thông; những SV có kết quả học tập tốt ở bậc Trung học phổ thông phần lớn có KNHT tốt hơn.

Xét theo từng KNHT, *kĩ năng sử dụng Internet tìm kiếm tài liệu học tập* của SV đại học xếp ở vị trí thứ nhất (ĐTB=2,42), kĩ năng ghi chép các nội dung chính của bài học SV đại học xếp vị trí thứ hai (ĐTB=2,24). Đối với họ, việc ghi chép và sử dụng Internet để tìm kiếm tài liệu học tập dễ dàng hơn so với các kĩ năng khác. Bởi lẽ, hầu hết SV được rèn luyện kĩ năng ghi chép và tìm kiếm tài liệu từ bậc Trung học phổ thông cũng như hiện nay hầu hết SV đều có laptop để tra cứu các tài liệu, và SV có thể chia sẻ với nhau cách thức tìm kiếm thông tin qua nhiều hình thức khác nhau: email, Facebook. *Kĩ năng làm tiểu luận, dự án*

lại đạt ở mức thấp nhất (ĐTB=1,44), điều này một lần nữa khẳng định các KNHT cần hình thành và phát triển ở bậc Đại học, đặc biệt trong môi trường đào tạo tin chỉ chưa được các trường đại học chú trọng rèn luyện và SV còn rất hạn chế trong những KNHT này. Ngay cả kĩ năng lập kế hoạch học tập cũng như quản lí thời gian là rất cần thiết trong môi trường đào tạo tin chỉ nhưng SV đại học, cao đẳng chưa đạt mức trung bình (1,70; 1,79); tương tự các kĩ năng khác như kĩ năng thảo luận nhóm, kĩ năng trình bày trước đám đông, kĩ năng tự kiểm tra đánh giá quá trình học tập mức độ thành thạo của SV còn rất thấp.

2.2. Đánh giá của cán bộ, GV về mức độ KNHT

Theo đánh giá của GV và cán bộ các trường đại học và cao đẳng cho thấy SV có KNHT chỉ ở mức không thành thạo và tương đối thành thạo, không có GV nào cho rằng SV có KNHT ở mức thành thạo cả (bảng 2). Trong các KNHT, *kĩ năng sử dụng Internet tìm kiếm tài liệu học tập* được GV đánh giá ở mức độ cao nhất. Qua trao đổi với GV được biết: “Công nghệ thông tin phát triển, SV có thể tìm kiếm thông tin ở trên mạng nhanh hơn và dễ dàng hơn, tuy nhiên mức độ phân tích và lựa chọn thông tin của các em chưa tốt, các em chỉ biết lấy thông tin mà chưa biết chắt lọc những thông tin tốt nhất và phù hợp nhất cho bài học”. Tiếp theo là *kĩ năng ghi chép các nội dung chính của bài học*, kĩ năng này được GV đánh giá ở vị trí thứ 2. Kĩ năng đạt ở mức độ thấp nhất là *kĩ năng quản lí thời gian*. Với kĩ năng này, đòi hỏi SV phải tự mình biết sắp xếp kế hoạch học tập và sinh hoạt hàng ngày theo một thời khóa biểu nhất định. Theo như nhận định của GV, chúng tôi được biết: “SV nào cũng biết là cần phải sắp xếp thời gian, nhưng không phải em nào cũng làm được (...) Sự chuẩn bị cho việc học, kiểm tra hoặc thi thì gắn đến ngày các em mới tập trung vào để thực hiện, do vậy một lúc dồn rất nhiều bài nên các em thường làm theo kiểu đối phó”. Một kĩ năng nữa mà GV đánh giá ở mức thấp đó là *kĩ năng trình bày trước đám đông*. Theo các GV, kĩ năng này đòi hỏi các em có khả năng diễn đạt, tự tin khi đứng trước đám đông, và đặc biệt là cần phải trình bày theo ý hiểu của mình, nhưng rất ít em làm được như vậy. Đa phần SV chỉ có thể đọc lại những nội dung mà cả nhóm đã làm được. Vì vậy, muốn có kĩ năng này đòi hỏi các em phải có sự rèn luyện nhiều và đặc biệt kiến thức chuyên môn cũng phải vững vàng thì mới tự tin, trình bày có tính thuyết phục trước người khác.

Xét theo loại hình trường đại học và cao đẳng, qua bảng trên cho thấy, GV các trường đại học đánh giá KNHT của SV cao hơn so với đánh giá của các GV ở trường cao đẳng (đại học: ĐTB=1,67; cao đẳng: ĐTB=1,57). Qua trao đổi với GV trường cao đẳng, chúng tôi được biết: “SV tại các trường cao đẳng thường là các em không đỗ đại học nên mới phải vào cao đẳng để học nghề, do vậy việc tiếp cận những kĩ năng trong quá trình học tập của các em sẽ khó khăn hơn nhiều so với SV các trường đại học”. Bên cạnh đó, SV các trường cao đẳng thường thực hành nghề nhiều hơn nên những kĩ năng trên cũng ít được các em chú trọng.

Tóm lại, những KNHT cơ bản và cần thiết nhằm giúp SV học tập tốt trong môi trường đào tạo tin chỉ, hiện nay các SV có nhận thức được tầm quan trọng của nó nhưng bản thân của SV các KNHT chưa đạt mức độ trung bình và các em thiếu những hiểu biết về vai trò của KNHT cũng như phương pháp hình thành và phát triển các KNHT đó. Vì vậy, việc hình thành và tự rèn luyện KNHT các SV còn gặp khá nhiều khó khăn. Để giúp SV hiểu và biết cách rèn

Bảng 2: Đánh giá của cán bộ, GV về mức độ KNHT của SV xét theo loại hình trường

STT	KNHT	Theo loại trường		Tổng
		Cao đẳng	Đại học	
1	Kĩ năng lập kế hoạch học tập	1,45	1,61	1,52
2	Kĩ năng quản lí thời gian	1,32	1,46	1,38
3	Kĩ năng tìm kiếm, khai thác tài liệu học tập	1,73	1,69	1,71
4	Kĩ năng xử lí thông tin học tập	1,69	1,71	1,70
5	Kĩ năng ghi chép các nội dung chính của bài học	1,73	1,82	1,77
6	KNHT theo nhóm	1,65	1,79	1,71
7	Kĩ năng trình bày trước đám đông	1,38	1,51	1,44
8	Kĩ năng làm tiểu luận, dự án	1,51	1,58	1,54
9	Kĩ năng sử dụng Internet tìm kiếm tài liệu học tập	1,78	1,97	1,86
10	Kĩ năng tự kiểm tra, đánh giá quá trình học tập	1,43	1,53	1,47
	Tổng	1,57	1,67	1,61

luyện KNHT trong môi trường học tập đại học, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp dưới đây.

3. Một số giải pháp hình thành và phát triển KNHT cho SV trong môi trường đào tạo tin chỉ

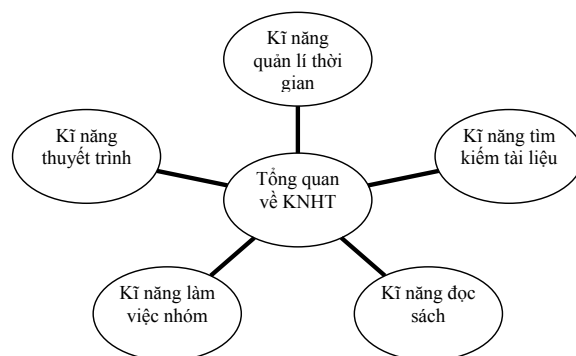
3.1. Biên soạn tài liệu “rèn luyện KNHT cho SV” và triển khai giảng dạy cho SV ngay từ đầu khóa học

Qua kết quả khảo sát trên, chúng tôi phân tích và thiết kế tài liệu gồm có 6 nội dung cơ bản như sau (hình 1):

Nội dung 1: “Tổng quan về KNHT”. Khái niệm về KNHT; tầm quan trọng của KNHT đối với việc tạo ra năng lực tự học; giới thiệu tổng quan các KNHT cần thiết trong môi trường đào tạo tin chỉ.

Nội dung 2: “Kĩ năng quản lí thời gian”. Hình thành và phát triển kĩ năng lập kế hoạch học tập, sắp xếp thứ tự ưu tiên cho việc học, nghiên cứu, tham gia hoạt động của trường hiệu quả; biết cách tự đánh giá bản thân nhằm lập kế hoạch và quản lí thời gian học tập phù hợp.

Nội dung 3: “Kĩ năng tìm kiếm tài liệu”. Hình thành và phát triển kĩ năng tìm kiếm tài liệu một cách hiệu quả ở thư viện và qua Internet;



Hình 1: Các nội dung cơ bản rèn luyện KNHT cho SV



Nội dung 4: “Kĩ năng đọc sách”. Hình thành và phát triển kĩ năng đọc sách tốt nhất để thu nhận và rèn luyện kĩ năng đọc nhanh.

Nội dung 5: “Kĩ năng làm việc nhóm”. Hình thành và phát triển kĩ năng làm việc nhóm, giúp SV làm việc nhóm trong học tập hiệu quả.

Nội dung 6: “Kĩ năng thuyết trình”. Hình thành và phát triển kĩ năng thuyết trình, giúp SV tự đánh giá kĩ năng thuyết trình của bản thân và tích cực rèn luyện kĩ năng này nhằm phục vụ tốt cho nhiệm vụ học tập.

Tài liệu được thiết kế gồm có 6 nội dung cơ bản, mỗi nội dung đều có phần lí thuyết, bài tập và thực hành. Việc giảng dạy chuyên đề này, mục đích chỉ hình thành KNHT cơ bản cho SV nhưng để phát triển được các kĩ năng, cần phải có thời gian và môi trường rèn luyện thường xuyên cũng như ý thức tự giác rèn luyện của bản thân SV. Vì vậy, trong thiết kế chương trình, biên soạn tài liệu và tổ chức thực hiện, chúng tôi triển khai rèn luyện kết hợp 4 hình thức như sau: Một là, giảng dạy cho tất cả SV nội dung 1 vào tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa và sau đó tổ chức cho SV học tập các nội dung còn lại theo chuyên đề ngoại khóa. Tuy nhiên, chuẩn đầu ra có quy định SV phải có chứng nhận hoàn thành ít nhất ¾ nội dung mới được tốt nghiệp; Hai là, rèn luyện KNHT cho SV thông qua đội ngũ cố vấn học tập đối với nội dung 2, 3; Ba là, rèn luyện KNHT cho SV thông qua GV giảng dạy bộ môn đối với nội dung 4,5 và 6; Bốn là, tạo môi trường cho SV tiếp tục rèn luyện KNHT thông qua các câu lạc bộ (CLB) học thuật của nhà trường.

3.2. Triển khai nội dung 1 gắn với tuần sinh hoạt đầu khóa cho SV và tổ chức triển khai các nội dung 2, 3, 4, 5, 6

Trong tuần sinh hoạt giáo dục đầu khóa, ngoài các nội dung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường dành 1 buổi (5 tiết) triển khai cho các em nội dung 1 của tài liệu “Rèn luyện KNHT cho SV” nhằm giúp cho các em hiểu rõ hơn về môi trường học tập đại học, phương thức tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, giới thiệu cho các em nội dung 2, 3, 4, 5, 6 của chương trình huấn luyện KNHT của trường, hình thức, phương pháp triển khai để giúp SV nắm bắt và chủ động trong quá trình học tập ngay từ khi bước vào môi trường đào tạo đại học.

Sau khi SV vào chương trình học tập chính khóa, nhà trường triển khai các nội dung 2, 3, 4, 5, 6 theo dạng các chuyên đề ngoại khóa. Nội dung chuyên đề giao cho khoa Sư phạm-Xã hội chuẩn bị và lần lượt tổ chức từng nội dung, mỗi nội dung triển khai 3 buổi (15 tiết lên lớp). Phương pháp triển khai chuyên đề là các phương pháp nhằm phát huy tính tích cực người học, dành thời gian cho SV thực hành; giao bài tập cho các em chuẩn bị để thực hành buổi cuối của mỗi chuyên đề, nội dung này được gắn kết với đánh giá cấp chứng nhận của chuyên đề.

3.3. Rèn luyện KNHT gắn kết với thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cố vấn học tập của nhà trường đối với nội dung 2,3

Nhằm hướng dẫn, tư vấn, tổ chức cho SV thực hiện các hoạt động học tập tại nhà trường từ khâu lựa chọn, đăng kí học phần; lập kế hoạch học tập (thời khóa biểu) theo từng cá nhân; tư vấn việc học tập tại lớp, thông qua kế hoạch, đề cương chi tiết của GV bộ môn; hướng dẫn, theo dõi, đánh giá các hoạt động học ngoài giờ lên lớp theo yêu cầu của GV bộ môn, các trường đại học phải thành lập ban cố vấn học tập. Bên cạnh việc tổ chức cho

đội này làm tốt nhiệm vụ của mình như: a/ Xây dựng và ban hành quy định về công tác “Cố vấn học tập trong đào tạo tín chỉ; b/ Lựa chọn cán bộ có năng lực nghiên cứu văn bản, quy chế và có kiến thức xã hội tốt; c/ Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ “Cố vấn học tập” xác định rõ vai trò, trách nhiệm; d/ Xây dựng các chế độ, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích đội ngũ này làm tốt và từng bước tiến đến sự chuyên nghiệp cao. Nhà trường tiến hành tổ chức huấn luyện KNHT, đặc biệt ở nội dung 2, 3 để cho đội ngũ này nắm bắt và gắn kết việc hướng dẫn cho SV thực hành kĩ năng quản lí học tập và kĩ năng khai thác tài liệu.

3.4. Rèn luyện KNHT thông qua GV bộ môn đối với nội dung 4,5

Gắn với việc đổi mới phương pháp giảng dạy thích ứng môi trường đào tạo tín chỉ, nhà trường tổ chức bồi dưỡng cho GV của trường về KNHT và thông qua các giờ lên lớp yêu cầu GV tổ chức các hoạt động học nhằm gắn kết để cho SV tiếp tục được rèn luyện các KNHT, trong đó chú trọng 2 kĩ năng là: kĩ năng đọc sách và kĩ năng làm việc nhóm. Để thực hiện được điều này đòi hỏi mỗi GV lựa chọn nội dung của môn học phù hợp để xác định mục tiêu đạt được việc hình thành và phát triển KNHT cho SV bên cạnh các mục tiêu về kiến thức, kĩ năng và thái độ.

3.5. Rèn luyện KNHT cho SV thông qua các CLB học thuật do Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức đối với nội dung 6

SV cần có nhiều diễn đàn học tập thông qua việc thành lập các CLB học thuật để trao đổi kiến thức, rèn luyện kĩ năng như: CLB Tiếng Anh, CLB Tin học, CLB Tâm lí giáo dục, CLB Nghiên cứu khoa học... Bên cạnh các CLB học thuật đoàn trường tổ chức các CLB đội-nhóm như: CLB Gia sư, CLB Từ thiện, CLB Văn nghệ, CLB Thể thao, CLB Sư phạm ... Thông qua kế hoạch hoạt động của các câu lạc bộ nhà trường yêu cầu Đoàn trường lồng ghép các cuộc thi hùng biện, thuyết trình, người dẫn chương trình giỏi... nhằm giúp SV rèn luyện thuyết trình trước đám đông.

4. Kết luận

Để giúp cho SV có năng lực tự học thích ứng với phương thức đào tạo này, nhà trường cần xây dựng chương trình và tài liệu dùng để “rèn luyện KNHT cho SV” và xem đây là một trong những định hướng quan trọng trong phát triển nhà trường. Từ việc hình thành và phát triển KNHT sẽ giúp cho các em có năng lực tự học, năng lực sáng tạo... Đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng được đề cập trong mục tiêu giáo dục đại học tại Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bùi Kim Chi, (2010), *Kĩ năng học tập của sinh viên luật trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ*, Tạp chí Luật học, số 7.
 [2]. Đặng Thành Hưng, (2004), *Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại*, Tạp chí Giáo dục, số 78.
 [3]. Đặng Thành Hưng, (2007), *Cơ sở lí luận và khung chuẩn của hệ thống kĩ năng học tập hiện đại ở các cấp học phổ thông*, đề tài mã số V2004-02, Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục.
 [4]. Nguyễn Thành Long, (2008), *Kĩ năng học đại học và phương pháp nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 [5]. Vũ Trọng Rỹ, (1994), *Phương pháp hình thành kĩ năng làm việc với sách giáo khoa cho học sinh cấp I và II*, để

tài mã số B91 - 37 - 16, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

SUMMARY

The paper addresses the issue of learning skill training for students to enhance the quality of learning in the context of training credits at universities. The author focuses on the assessment of students' academic skills in form of students'

self-evaluation and staff, teachers evaluate students. Learning skills are divided into three groups: learning management skills, cognitive skills and communication skills and academic relations. From the survey results, the team has set out a number of measures to strengthen academic skills for students, contributing to innovative teaching methods, training of high-quality labor for society.

Keywords: University; credits; learning skill; students..

ÁP DỤNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TỔNG THỂ... (Tiếp theo trang 35)

đào tạo, sáng tạo kĩ thuật, phục vụ cộng đồng vận hành thông suốt trong sự quản lí đồng bộ với sự tham gia của mọi thành viên trong trường, tuân thủ các nguyên tắc quản lí chất lượng.

+ Hoàn thiện quy trình quản lí đầu vào: Quy trình tuyển sinh; quy trình xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; quy trình quản lí cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo; quy trình quản lí đội ngũ giảng viên và cán bộ nhân viên.

+ Hoàn thiện quy trình quản lí quá trình đào tạo: Quy trình dạy học; quy trình thực hành; quy trình thực tập; quy trình kiểm tra - đánh giá.

+ Hoàn thiện quy trình quản lí đầu ra: Quy trình tổ chức thi, xét tốt nghiệp; quy trình theo dõi SV tốt nghiệp; quy trình đào tạo lại theo hướng bổ sung, nâng cao.

- *Xây dựng quy trình quản lí các hoạt động cải tiến chất lượng đào tạo ở trường CĐN*

Một trong những nguyên tắc của TQM là cải tiến liên tục để không ngừng nâng cao chất lượng, do vậy, cần quản lí các hoạt động cải tiến, đổi mới để nhận dạng được nó và kịp thời phổ biến nhân rộng trong trường. Mặt khác, TQM tìm cách đáp ứng nhu cầu của "khách hàng" thông qua thực hiện cải tiến liên tục, cải thiện dần dần. Các trường CĐN xây dựng tiêu chí đánh giá các cải tiến nâng cao chất lượng, từ đó công bố chính sách về chất lượng của nhà trường, để các thành viên trong trường nắm được quy trình cải tiến và quản lí có hiệu quả các cải tiến chất lượng. Từ đó tạo dựng thương hiệu uy tín cho nhà trường, mở rộng phạm vi hoạt động với các đối tác và khách hàng.

- *Tạo dựng mối quan hệ gắn kết có hiệu quả giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo ở trường CĐN*

Sự gắn kết giữa đào tạo và sử dụng lao động kĩ thuật được tăng cường trước hết thông qua việc đổi mới mục tiêu và nội dung đào tạo trường CĐN theo định hướng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đồng thời với việc đa dạng hóa và đổi mới phương thức, cơ chế gắn kết đó.

Việc đa dạng hóa và đổi mới phương thức, cơ chế gắn kết giữa đào tạo và sử dụng lao động kĩ thuật được thể hiện ở các nội dung chủ yếu như: Thành lập cơ sở đào tạo tại các doanh nghiệp; Thành lập cơ sở sản xuất trực thuộc các cơ sở đào tạo; kí kết các hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức liên kết đào tạo tại các doanh nghiệp; Huy động các chuyên gia của các cơ sở sử dụng lao động tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tham gia giảng dạy; Các cơ sở sử dụng lao động điều kiện về địa điểm cho sinh viên đến thực tập, cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí và sinh viên tham quan thực tế; Các cơ sở sử dụng lao động tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp vào làm việc; cung cấp thông tin phản hồi về sự phối hợp của đào tạo với sử dụng lao động.

- *Xây dựng môi trường văn hóa chất lượng trong*

trường CĐN

Áp dụng TQM một cách toàn diện, chỉ khi tất cả các thành viên của các trường CĐN thực hiện công việc của mình một cách tự nguyện với chất lượng cao nhất. Nói cách khác, đó là khi chất lượng đã trở thành một nền văn hóa hoặc chất lượng văn hóa ở trường CĐN được xây dựng và phát triển. Do đó, các trường CĐN cần phải tập trung tạo được sự nhận thức chất lượng là điểm thách thức duy nhất trong việc duy trì bảo đảm chất lượng. Xây dựng được môi trường thoải mái để mọi thành viên hứng khởi làm việc, hướng tới chất lượng của nhà trường. Mọi thành viên trong trường hiểu được quy luật "cung" "cầu" trong thị trường lao động, vai trò của khách hàng trong sự tồn tại và phát triển của trường CĐN. Từ đó, mọi người làm việc với trách nhiệm cao, tự giác, tích cực và có tinh thần hợp tác.

5. Kết luận

Đối với các trường CĐN ở nước ta hiện nay, nghiên cứu áp dụng TQM vào quản lí là một trong những giải pháp toàn diện nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường góp phần vào việc thực hiện thành công Chiến lược Phát triển Dạy nghề giai đoạn 2011-2020.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vũ Song Bình, (2003), *Quản lí chất lượng tổng thể*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Trần Khánh Đức, (2004), *Quản lí và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO & TQM*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Đức Chính, (2008), *Đánh giá chất lượng giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Tổng cục Dạy nghề, (2015), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lí các cơ sở dạy nghề*, Hà Nội.
- [5]. Trần Trung, (2013), *Quản lí nhà trường giáo dục nghề nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

SUMMARY

Total Quality Management (TQM) is a philosophy, a management system, widely used in countries with advanced education with basic features that do not impose a rigid system for any HE institutions, creating "quality culture" background, covering the entire training process. The article mentions the characteristics and benefits of TQM for Vocational Colleges, and outlines its current situation and propose solutions to colleges to apply TQM into training quality management.

Keywords: Total Quality Management; training quality management; Vocational Colleges.